

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 06-02-2024

V/v tranh chấp yêu cầu hủy

hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Lê Hoàng Vũ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:** Ông Tôn Minh Nhật – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2023/TLST- DS, ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS, ngày 05/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 25/01/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1978 (có mặt).

**Bị đơn:** Ông Tô Trường G, sinh năm 1977 (có mặt).

Bà Võ Thị Ngọc B, sinh năm 1982 (vợ ông G, vắng mặt).

Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Tạ T, sinh năm 1979 (chồng bà Ngọc H, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th trình bày:**

Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số 01/2021/QĐST ngày

08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng thì vợ chồng ông Tô Trường G và bà Võ Thị Ngọc B phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh Th số tiền 603.660.000 đồng. Theo thỏa thuận cứ mỗi 03 tháng vợ chồng ông G, bà Ba phải có trách nhiệm trả cho ông Thuấn số tiền là 15.000.000 đồng, thời gian trả nợ bắt đầu từ tháng ngày 01/4/2021 đến khi trả hết số tiền 603.660.000 đồng. Sau đó ông G, bà Ba có trả cho ông Thuấn được số tiền là 60.000.000 đồng, cụ thể ngày 06/4/2021 trả 15.000.000 đồng, ngày 8/8/2022 trả được 30.000.000 đồng và ngày 12/12/2022 trả được 15.000.000 đồng, còn thiếu lại 543.660.000 đồng thì không trả, nên ông Thuấn mới làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Ngọc B với bà Võ Thị Ngọc H. Sau khi ông Thuấn khởi kiện thì vợ chồng ông G, bà Ba có trả thêm cho ông Thuấn được 30.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng ông G, bà Ba đã trả cho ông Thuấn được là 90.000.000 đồng.

Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số 01/2021/QĐST ngày 08/01/2021 của Tòa án huyện U Minh Thượng nếu vợ chồng ông G, bà Ngọc B vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì ông Thuấn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng buộc vợ chồng ông G, bà Ngọc B phải trả 01 lần toàn bộ số nợ còn thiếu. Do vợ chồng ông G, bà Ba không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời gian đã thỏa thuận, vì vậy ông Thuấn đã làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên tài sản là phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> (giấy chứng nhận QSD đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012) để thi hành án trả nợ cho ông Thuấn. Qua xác minh điều kiện thi hành án và tại công văn trả lời số 161/CNUMP-VP ngày 22/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng thì ngày 26/3/2021 bà Võ Thị Ngọc B đã làm hợp đồng tặng cho phần đất trên lại cho bà Võ Thị Ngọc H là chị ruột của bà Võ Thị Ngọc B. Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng thì vợ chồng ông G, bà Ngọc B thừa nhận còn nợ ông Thuấn số tiền 603.660.000 đồng và đồng ý trả số nợ trên, nhưng đến ngày 26/03/2021 bà Võ Thị Ngọc B lại làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lại cho bà Võ Thị Ngọc H, mà không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hành vi tẩu tán tài sản.

Vì vậy, ông Nguyễn Minh Th yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/3/2021 giữa bà Võ Thị Ngọc B với bà Võ Thị Ngọc H đối với phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012; Đồng thời hủy xác nhận đăng ký biến động ngày 29/03/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai về việc xác nhận cho bà Võ Thị Ngọc B tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị Ngọc H; Công nhận phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012 là của bà Võ Thị Ngọc B để Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên trả nợ cho ông Nguyễn Minh Th.

**Bị đơn ông Tô Trường G trình bày:**

Việc bà Võ Thị Ngọc B (vợ ông G) làm hợp đồng tặng cho bà Võ Thị Ngọc H phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012) không phải là nhằm mục đích tẩu tán tài sản vì phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> là của bà Võ Thị Ngọc B và bà Võ Thị Ngọc H được mẹ ruột là bà Lê Thị Ngọc Ánh cho chung, mỗi người được phân nửa đất, nhưng do vợ chồng ông G, bà Ngọc B còn khó khăn nên bà Ngọc H mới để cho bà Võ Thị Ngọc B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn làm ăn. Do vợ chồng ông G, bà Ba vay tiền của Ngân hàng Kiên Long không có khả năng trả, nên bà Võ Thị Ngọc H mới bỏ ra số tiền 120.000.000 đồng cho vợ chồng ông G, bà Ba trả nợ Ngân hàng và chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên sau đó bà Ngọc B mới làm hợp đồng tặng cho lại bà Ngọc H phần đất trên.

Sau khi Tòa án gửi thông báo thụ lý và mời vợ chồng ông T, bà Ngọc H lên hòa giải, vợ chồng ông Tạ T và bà Võ Thị Ngọc H có đến gặp vợ chồng ông G để phản đối, hỏi vì sao không trả nợ cho ông Thuận để liên quan đến vợ chồng ông T, bà Ngọc H. Do vợ chồng ông G, bà Ngọc B còn khó khăn nên vợ chồng bà Ngọc H, ông T vẫn để cho vợ chồng ông G, bà Ngọc B canh tác phần đất trên để nuôi tôm. Nếu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngọc B với bà Ngọc H thì vợ chồng ông G phải trả lại cho vợ chồng ông T, bà Ngọc H số tiền 120.000.000 đồng, nhưng hiện tại vợ chồng ông G, bà Ngọc B đang gặp khó khăn không có tiền trả.

**Đồng bị đơn bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Đồng thời được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.**

**Đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nên không có ý kiến trình bày.**

**Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:**

*Nguyên đơn cung cấp: Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 01/2022/QĐST-DS ngày 08/01/2021 của TAND huyện U Minh Thượng; 02 Biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án huyện U Minh Thượng; Công văn số 161/CNUMT\_VP ngày 22/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng; Quyết định thi hành án theo yêu cầu ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án huyện U Minh Thượng; Đơn cứu xét ngày 02/02/2021 đề nghị ngăn chặn hồ sơ chuyển quyền sở hữu đất; Đơn đề nghị ngày 02/02/2021 yêu cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai và UBND xã Hòa Chánh không cho phép vợ chồng ông Tô Trường G và bà Võ Thị Ngọc B chuyển dịch về quyền tài sản.*

**Bị đơn cung cấp:** Không có.

*Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Công văn trả lời số 303/CNUMT-VP ngày 26/12/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng; Hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Ngọc B và bà Võ Thị Ngọc H do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cung cấp.*

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhiều lần vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vợ chồng ông G, bà Ba thừa nhận còn nợ ông Thuấn, nhưng lại không thực hiện trả nợ cho ông Thuấn theo quyết định của Tòa án mà lại làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lại cho bà Võ Thị Ngọc H, trong khi vợ chồng ông G, bà Ngọc B không còn tài sản nào khác, cho thấy vợ chồng ông G, bà Ngọc B có ý thức không muốn trả nợ cho ông Thuấn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2]. Về quan hệ pháp luật:** Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th với bị đơn ông Tô Trường G, bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ T là tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, cụ thể nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/3/2021 giữa bà Võ Thị Ngọc B với bà Võ Thị Ngọc H đối với phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> (theo giấy chứng nhận QSD đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012). Đồng thời hủy xác nhận đăng ký biến động ngày 29/03/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai về việc xác nhận cho bà Võ Thị Ngọc B tặng cho quyền sử dụng đất lại cho bà Võ Thị Ngọc H; Công nhận phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> là thuộc quyền sử dụng của bà Võ Thị Ngọc B để Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên, phát mãi trả nợ cho ông Nguyễn Minh Th.

**[3]. Xét về nội dung tranh chấp:**

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số 01/2021/QĐST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng thì vợ chồng ông Tô Trường G và bà Võ Thị Ngọc B phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh Th số tiền 603.660.000 đồng. Theo thỏa thuận cứ mỗi 03 tháng vợ chồng ông G, bà Ba phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh Th số tiền là 15.000.000 đồng, thời gian trả nợ bắt đầu từ tháng ngày 01/4/2021 đến khi dứt số tiền 603.660.000 đồng. Tính đến ngày xét xử vợ chồng ông G, bà Ngọc B chỉ trả cho ông Thuận được tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Còn thiếu lại số tiền 513.000.000 đồng.

Theo hồ sơ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng cung cấp thì vợ chồng ông G, bà Ngọc B có phần đất diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> (theo giấy chứng nhận QSD đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012). Đến ngày 26/03/2021 thì bà Võ Thị Ngọc B làm hợp đồng tặng cho phần đất trên lại cho bà Võ Thị Ngọc H (chị ruột bà Ngọc B). Tại phiên tòa, bị đơn ông Tô Trường G trình bày là ngoài phần đất trên, thì vợ chồng ông G, bà Ngọc B không còn tài sản nào khác.

Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Ngọc B với bà Võ Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi có quyết định công nhận sự thỏa thuận số 01/2021/QĐST ngày 08/01/2021 của Tòa án huyện U Minh Thượng, vợ chồng ông G, bà Ngọc B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Thuận theo thời

gian đã thỏa thuận như trong quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án, mà lại làm hợp đồng tặng cho lại tài sản duy nhất của vợ chồng ông G, bà Ngọc B là quyền sử dụng đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> cho bà Võ Thị Ngọc H vào ngày 26/03/2021, nếu thực tế vợ chồng ông G, bà Ngọc B gặp khó khăn không có tài sản để thi hành án, thì phải bán phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> để lấy tiền trả nợ cho ông Thuấn, chứ không phải dư giả, nhiều tài sản mà lại làm hợp đồng tặng cho lại chị ruột là bà Võ Thị Ngọc H phần đất trên.

Tại phiên tòa, ông G thừa nhận phần đất này hiện vợ chồng ông G, bà Ngọc B đang canh tác để nuôi tôm, chứ không phải là vợ chồng ông T, bà Ngọc H canh tác. Hơn nữa, nếu đúng theo lời ông G trình bày là phần đất này của bà Ngọc H và bà Ngọc B được mẹ ruột cho chung (mỗi người được phân nửa đất) thì vợ chồng ông G, bà Ngọc B chỉ làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao trả lại cho bà Ngọc H ½ đất chứ không phải làm hợp đồng tặng cho bà Ngọc H toàn bộ phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup>.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho vợ chồng bà Ngọc H, ông Tạ T nhưng vợ chồng ông T, bà Ngọc H đều không có văn bản trình bày ý kiến về phần đất trên là của vợ chồng ông T, bà Ngọc H hay là của vợ chồng ông G, bà Ngọc B, nếu thật sự đây là đất của vợ chồng ông T, bà Ngọc H thì vợ chồng ông T, bà Ngọc H sẽ phản đối việc ông Thuấn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho để Chi cục thi hành án kê biên phát mãi phần đất trên trả nợ cho ông Thuấn. Nhưng ở đây vợ chồng ông T, bà Ngọc H không quan tâm đến yêu cầu khởi kiện của ông Thuấn. Điều này cho thấy vợ chồng ông T, bà Ngọc H không quan tâm đến chuyện phần đất này có bị kê biên hay không, chứng tỏ mục đích giao dịch giữa bà Ngọc B với Ngọc Hai là nhằm để tẩu tán tài sản không trả nợ cho ông Thuấn.

Theo quy định tại điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì: *“Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”*.

Đồng thời, theo quy định tại khoản 2 điều 75 Luật Thi hành án dân sự sửa

đổi, bổ sung năm 2014: “*Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó*”.

Do đó, ông Thuận yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/03/2021 giữa bà Võ Thị Ngọc B với bà Võ Thị Ngọc H đối với phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/03/2021 giữa bà Võ Thị Ngọc B với bà Võ Thị Ngọc H đối với phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup>.

Xét yêu cầu của ông Thuận về việc yêu cầu hủy xác nhận đăng ký biến động ngày 29/03/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng (xác nhận bà Võ Thị Ngọc B tặng cho bà Võ Thị Ngọc H phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012), công nhận phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> là của bà Võ Thị Ngọc B nhận thấy: Do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Ngọc B với bà Võ Thị Ngọc H bị hủy, vì vậy xét thấy cần thiết phải hủy xác nhận đăng ký biến động ngày 29/03/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng để Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng thực hiện việc điều chỉnh biến động đối với phần đất trên theo nội dung giải quyết của Tòa án. Công nhận phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012 là thuộc quyền sử dụng của bà Võ Thị Ngọc B.

Về giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất: Trong quá trình giải quyết vụ án, do nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Ngọc B với bà Võ Thị Ngọc H, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Ngoài ra, tại phiên tòa ông G cũng trình bày là phần đất này hiện vợ chồng ông G, bà Ngọc B đang quản lý canh tác nuôi tôm, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc buộc vợ chồng ông T, bà Ngọc H giao trả đất cho bà Ngọc B.

**[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Trong vụ án này, ông Thuận là người yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngọc B với bà Ngọc H. Bị đơn ông G không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vì cho rằng việc làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngọc B với bà Ngọc H không phải là nhằm tẩu tán tài sản. Còn vợ chồng ông T, bà Ngọc H thì không có ý

kiến về việc đồng ý hủy hay yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất chỉ buộc vợ chồng ông G, bà Ngọc B chịu tiền án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002972 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 122, Điều 123, khoản 2 Điều 124, Điều 500, Điều 501 Bộ luật dân sự 2015; Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 điều 75 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th đối với bị đơn ông Tô Trường G, bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

2. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/3/2021 giữa bà Võ Thị Ngọc B với bà Võ Thị Ngọc H đối với phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012.

3. Hủy xác nhận đăng ký biến động ngày 29/03/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng về việc xác nhận bà Võ Thị Ngọc B tặng cho bà Võ Thị Ngọc H phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012.

4. Công nhận phần đất có diện tích 10.554,9 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK422373 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho bà Võ Thị Ngọc B ngày 03/7/2012 là thuộc quyền sử dụng của bà Võ Thị Ngọc B.

5. Ông Nguyễn Minh Th có quyền và nghĩa vụ tự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu hủy xác nhận đăng ký biến động ngày 29/03/2021 của Chi



nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng theo nội dung giải quyết của bản án này.

6. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Tô Trường G, bà Võ Thị Ngọc B phải chịu tiền án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002972 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khanh**